

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11/3/2026

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Huân và ông Nguyễn Văn Tuấn

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2025/TLST- HNGĐ ngày 19/11/2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/02/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị G - Sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Sùng A L - Sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người phiên dịch cho bị đơn Sùng A L: Anh Phàn Láo L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2025, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 18/11/2025, bản tự khai ngày 19/11/2025 của chị Giàng Thị G và trong quá trình giải quyết vụ án chị Giàng Thị G trình bày: Chị và anh Sùng A L tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019, không có đăng ký kết hôn, nhưng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đến ngày 02/11/2020 anh chị đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai (nay là xã T, tỉnh Lào Cai). Sau kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng chị cũng đã nhiều lần nói chuyện với nhau để tìm cách khắc phục mâu thuẫn và gia đình hai bên

cũng tham gia khuyên bảo hòa giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên đầu năm 2023 chị đã đưa con về nhà bố mẹ để sinh sống và vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sùng A L.

Đối với bị đơn anh Sùng A L, tại bản tự khai ngày 06/01/2026 anh xác nhận đúng là anh và chị Giàng Thị G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai (nay là UBND xã T, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc, được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên cũng đã tham gia khuyên bảo hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên chị G đã bỏ về nhà bố mẹ để ở và anh chị đã sống ly thân tính đến nay là 03 năm, vợ chồng anh chị không còn quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị Giàng Thị G khởi kiện xin ly hôn anh, anh không nhất trí, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh về đoàn tụ.

Về con chung: Chị Giàng Thị G và anh Sùng A L đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 người con chung cháu Sùng Máy H, sinh ngày 18/11/2019, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay cháu đang ở cùng chị Giàng Thị G. Khi ly hôn chị Giàng Thị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Sùng Máy H cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Sùng A L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Sùng A L không nhất trí ly hôn, trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, về con chung anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng Máy H, anh không yêu cầu chị Giàng Thị G cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Giàng Thị G và anh Sùng A L đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh, chị không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Giàng Thị G và anh Sùng A L đều xác nhận, trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, nên khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh về việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh về mâu thuẫn gia đình, thu nhập cá nhân. Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Đối với vụ án này Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên toà hôm nay chị Giàng Thị G giữ nguyên yêu cầu và nguyện vọng của mình về quan hệ hôn nhân và nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Anh Sùng A L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu và nguyện vọng của mình về quan hệ hôn nhân và nuôi dưỡng chăm sóc con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Giàng Thị G có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Sùng A L, sinh năm 1996 địa chỉ: Thôn Y, xã T, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ vào Điều 35 sửa đổi bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lào Cai. Bị đơn anh Sùng A L có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Sùng A L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng Thị G và anh Sùng A L là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không hòa thuận, hạnh phúc. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên chị Giàng Thị G đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2023 và anh chị đã tự sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Chị Giàng Thị G đã cung cấp chứng cứ chứng minh mâu thuẫn gia đình theo lời trình bày của chị là đúng sự thật. Anh Sùng A L vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh cũng thừa nhận anh và chị Giàng Thị G có mâu thuẫn, nhưng anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, song anh cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân của chị Giàng Thị G và anh Sùng A L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã tự sống ly thân nhau đã lâu, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Giàng Thị G ly hôn với anh Sùng A L.

[3]. Về con chung: Chị Giàng Thị G và anh Sùng A L có một người con chung là cháu Sùng Máy H, sinh ngày 18/11/2019, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay cháu đang ở cùng chị Giàng Thị G. Khi ly hôn chị Giàng Thị G và anh Sùng A L đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sùng Máy H đến tuổi trưởng thành, anh chị đều không có yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nếu được trực tiếp nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Giàng Thị G đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ, chứng minh hiện công việc của chị là làm ruộng, lúc rảnh rỗi thì đi bán hàng rong, mức thu nhập bình quân từ 7.500.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng. Anh Sùng A L không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào. Vì vậy đề

đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Sùng Máy H, xuất phát từ quyền, lợi ích mọi mặt của cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Sùng Máy H cho chị Giàng Thị G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Giàng Thị G không yêu cầu anh Sùng A L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết;

[4]. Về tài sản chung: Chị Giàng Thị G và anh Sùng A L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về công nợ chung: Chị Giàng Thị G và anh Sùng A L không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Giàng Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Giàng Thị G ly hôn anh Sùng A L. Quan hệ hôn nhân của anh, chị chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Xử giao cháu Sùng Máy H, sinh ngày 18/11/2019 cho chị Giàng Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Sùng A L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Sùng A L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Giàng Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001999 ngày 19/11/2025. Chị Giàng Thị G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Khu vực 7 – Lào Cai (02);
- Đường sự (2)
- UBND xã T, tỉnh Lào Cai;
- Phòng THS DS khu vực 7 - Lào Cai;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng

